TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **138**/2020/QĐST-HNGĐ	*Trảng Bom, ngày 29 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 223/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 10, đường Q, ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Trương Thị Mai L**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số 1361/8, đường A, ấp Q, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83; 84; 110; 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Văn P và bà Trương Thị Mai L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn P và bà Trương Thị Mai L.

- Về con chung: Giao 01 con chung Lê Trương Bảo N, sinh ngày 18/10/2018 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Lê Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Ông Lê Văn P tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được cấn trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007091 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Ông P đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- THA dân sự huyện Trảng Bom;
- UBND xã M, huyện B,
tỉnh Đồng Nai;
Giấy chứng nhận kết hôn số 76; ngày 16/5/2017;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Loan Trần Hải Yến